TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TRÀ VINH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/DS-ST
Ngày: 02-02-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Kiều Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Minh Sơn.

2. Ông Kiên Ngọc Trương .

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Lê Anh Duy, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Duyên, Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2024 tại 02 điểm cầu (điểm cầu trung tâm tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, điểm cầu thành phần tại trụ sở Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh T2) xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án thụ lý số: 247/2023/TLST- DS ngày 17 tháng 10 năm 2023 về việc " Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 223/2023/QĐXXST-DS, ngày 20 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2024/QĐST-DS ngày 09/01/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ;

Trụ sở: T, số A T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Chị Nguyễn Huỳnh Thanh T, chức vụ: Cán bộ quản lý khách hàng phòng Khách hàng cá nhân thuộc Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh T2, (theo văn bản ủy quyền số 1413/QĐ - B. TV ngày 13/9/2023). (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Trọng T1, sinh năm: 1976;

Địa chỉ: Số B B, ấp L, phường D, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 7 năm 2023, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án thể hiện trong hồ sơ đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Huỳnh Thanh T *trình bày:*

Ngày 02/08/2019 Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh T2 có ký với Ông Nguyễn Trọng T1 theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 01/2019/ 2016718/HĐTD cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 130.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm ba mươi triệu đồng).

- Mục đích vay: vay tiêu dùng tín chấp.

- Nguồn trả nợ: từ lương cán bộ nhân viên của Công ty TNHH MTV Q.

- Thời hạn vay: 84 tháng (từ ngày 02/08/2019 đến 02/08/2026).

- Lãi suất cho vay: 11%/năm áp dụng thả nổi theo thông báo số: 170/TB-BIDV.TV-KHTC ngày 05/12/2018 (được áp dụng đến hết ngày 31/12/2019), (thông báo LS HĐV: 52/TB-BIDV.TV ngày 28/05/2019) và sau đó được điều chỉnh 06 tháng/ lần vào các ngày 01/01 và 01/07 kể từ ngày Bên vay rút vốn vay, theo thông báo lãi suất của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh.

- Lãi suất áp dụng hiện tại : 10.5%/năm.

- Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn.

- Lịch trả nợ gốc và lãi: trả nợ gốc và lãi định kỳ vào ngày 07 hàng tháng; trong đó số tiền trả nợ gốc mỗi tháng là: 1.550.000 đồng, lãi theo dư nợ thực tế.

Từ ngày vay đến nay Ông Nguyễn Trọng T1 đã trả cho Ngân hàng số tiền là: 98.591.812 đồng (Trong đó thu gốc : 62.000.000 đồng, thu lãi 36.591.812 đồng).

Hiện tại ông Nguyễn Trọng T1 còn nợ Ngân hàng số tiền là: 78.261.673 đồng (tính đến ngày 02/02/2024), bao gồm:

+ Nợ gốc: 68.000.000 đồng.

+ Nợ lãi: 9.279.673 đồng.

+ Số tiền lãi phạt cho gốc quá hạn: 675.592 đồng.

+ Lãi chậm trả lãi: 306.408 đồng.

Ngày 29/12/2021 Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh T2 có ký với ông Nguyễn Trọng T1 theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 01/2021/ 2016718/HĐTD cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 40.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi triệu đồng).

- Mục đích vay: vay tiêu dùng tín chấp.

- Nguồn trả nợ: từ lương cán bộ nhân viên của Công ty TNHH MTV Q.

- Thời hạn vay: 12 tháng (từ ngày 29/12/2021 đến 29/12/2022).

- Lãi suất cho vay: 9.5%/năm áp dụng lãi suất cho vay thả nổi, được điều chỉnh khi có thỏa thuận bằng văn bản giữa Ngân hàng và khách hàng, theo TB số: 112/TB-BIDV.TV-KHTC ngày 24/11/2021 (V/v điều chỉnh lãi suất cho vay).

- Lãi suất áp dụng hiện tại : 9.5%/năm.

- Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn.

- Lịch trả nợ gốc và lãi: nợ gốc được trả vào ngày phát sinh giao dịch ghi có vào tài khoản tiền gửi của bên vay tại B và nợ lãi trả vào ngày 28 hàng tháng, lãi theo dư nợ thực tế.

Từ ngày vay đến nay ông Nguyễn Trọng T1 đã trả cho Ngân hàng số tiền là: 16.703.022 đồng (Trong đó thu gốc : 13.238.211 đồng, thu lãi 3.464.811 đồng).

Hiện tại Ông Nguyễn Trọng T1 còn nợ Ngân hàng số tiền là: 31.351.857 đồng (tính đến ngày 02/02/2024), bao gồm:

+ Nợ gốc: 26.761.789 đồng.

+ Nợ lãi: 3.109.957 đồng.

+ Số tiền lãi phạt cho gốc quá hạn: 1.372.229 đồng.

+ Lãi chậm trả lãi: 107.882 đồng.

Từ ngày 01/01/2023 đến nay ông Nguyễn Trọng T1 đã không thanh toán nợ đúng hạn theo các hợp đồng đã ký với Ngân hàng nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ vay của ông Nguyễn Trọng T1 sang nợ quá hạn.

Qua nhiều lần Ngân hàng thông báo và đôn đốc nhưng Ông Nguyễn Trọng T1 vẫn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Từ vụ việc nêu trên, Ông Nguyễn Trọng T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Đ – Chi nhánh T2.

Nay Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Đ – Chi nhánh T2 yêu cầu Tòa án Nhân dân Thành phố Trà Vinh giải quyết buộc ông Nguyễn Trọng T1 phải trả nợ cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Đ tổng số tiền: 109.613.530 đồng (tính đến ngày 02/02/2024) bao gồm:

+ Nợ gốc: 94.761.789 đồng.

+ Nợ lãi: 12.389.630 đồng.

+ Số tiền lãi phạt cho gốc quá hạn: 2.047.821 đồng.

+ Lãi chậm trả lãi: 414.290 đồng.

+ Và số tiền lãi và phí phát sinh kể từ ngày 03/02/2024 cho đến khi thanh toán dứt nợ cho Ngân hàng.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Trọng T1*:*

Bị đơn ông Nguyễn Trọng T1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng ông T1 đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai ông T1 được, ông T1 cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn theo thông báo mà Tòa án đã tống đạt nên không thể xác định những tình tiết nào của vụ án các bên thống nhất và không thống nhất. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Riêng bị đơn trong vụ án đã vắng mặt trong các phiên hòa giải và tại phiên tòa xét xử đã làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Vị đại diện Viện kiểm sát tóm tắt nội dung vụ án, sau khi phân tích đánh giá các tình tiết của vụ án và chứng cứ chứng minh của đương sự. Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Đ buộc ông Nguyễn Trọng T1 có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ tính đến ngày 02/02/2024 ông Nguyễn Trọng T1 còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 109.613.530 đồng (tính đến ngày 02/02/2024), bao gồm:

+ Nợ gốc: 94.761.789 đồng.

+ Nợ lãi: 12.389.630 đồng.

+ Số tiền lãi phạt cho gốc quá hạn: 2.047.821 đồng.

+ Lãi chậm trả lãi: 414.290 đồng.

Và tính lãi tiếp theo từ ngày 03/02/2024 đến khi ông T1 tất toán xong hợp đồng. Về án phí dân sự sơ thẩm: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn ông Nguyễn Trọng T1 đã được Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh niêm yết công khai các văn bản tố tụng, được thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để hòa giải, xét xử lần thứ 2 nhưng ông T1 đều vắng mặt. Căn cứ vào kết quả cung cấp thông tin ngày 01/12/2023 cơ quan Công an phường D1, thành phố T đã xác nhận ông Nguyễn Trọng T1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp L, phường D, thành phố T, tỉnh Trà Vinh nhưng ông T1 không còn sinh sống tại địa phương. Đơn khởi kiện của Ngân hàng G và đúng địa chỉ nơi cư trú, địa chỉ được ghi trong hợp đồng tín dụng số 01/2019/2016718/HĐTD ngày 02/08/2019 và hợp đồng tín dụng số 01/2021/ 2016718/HĐTD ngày 29/12/2021 của bị đơn ông Nguyễn Trọng T1. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T1 là phù hợp, đúng quy định.

[2] *Về nội dung vụ án*: Xét yêu cầu của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Đ yêu cầu ông Nguyễn Trọng T1 phải trả số tiền nợ vay tính đến hết ngày 02/02/2024 là 109.613.530 bao gồm:

+ Nợ gốc: 94.761.789 đồng.

+ Nợ lãi: 12.389.630 đồng.

+ Số tiền lãi phạt cho gốc quá hạn: 2.047.821 đồng.

+ Lãi chậm trả lãi: 414.290 đồng.

Và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 03/02/2024 cho đến khi ông Nguyễn Trọng T1 hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 01/2019/2016718/HĐTD ngày 02/08/2019 và hợp đồng tín dụng số 01/2021/2016718/HĐTD ngày 29/12/2021. Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông Nguyễn Trọng T1 có ký kết hợp đồng vay vốn với Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Đ – Chi nhánh T2 cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng số 01/2019/2016718/HĐTD ngày 02/08/2019 với số tiền vay: 130.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm ba mươi triệu đồng). Mục đích vay: vay tiêu dùng tín chấp. Thời hạn vay: 84 tháng (từ ngày 02/08/2019 đến 02/08/2026). Lãi suất cho vay: 11%/năm áp dụng thả nổi theo thông báo số: 170/TB-BIDV.TV-KHTC ngày 05/12/2018 (được áp dụng đến hết ngày 31/12/2019), (thông báo LS HĐV: 52/TB-BIDV.TV ngày 28/05/2019) và sau đó được điều chỉnh 06 tháng/ lần vào các ngày 01/01 và 01/07 kể từ ngày bên vay rút vốn vay, theo thông báo lãi suất của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh. Lãi suất áp dụng hiện tại : 10.5%/năm. Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Hợp đồng tín dụng số 01/2021/2016718/HĐTD ngày 29/12/2021 với số tiền vay: 40.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi triệu đồng). Mục đích vay: vay tiêu dùng tín chấp. Thời hạn vay: 12 tháng (từ ngày 29/12/2021 đến 29/12/2022). Lãi suất cho vay: 9.5%/năm áp dụng lãi suất cho vay thả nổi, được điều chỉnh khi có thỏa thuận bằng văn bản giữa Ngân hàng và khách hàng, theo TB số: 112/TB-BIDV.TV-KHTC ngày 24/11/2021 (V/v điều chỉnh lãi suất cho vay). Lãi suất áp dụng hiện tại : 9.5%/năm. Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Căn cứ vào các hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ – Chi nhánh T2 với ông Nguyễn Trọng T1. Đây là sự thỏa thuận tự nguyện giữa các bên; xét về hình thức và nội dung không trái với quy định của pháp luật, nên có hiệu lực từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng theo quy định tại Điều 401 Bộ luật dân sự 2015.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng số 01/2019/2016718/HĐTD ngày 02/08/2019 và hợp đồng tín dụng số 01/2021/2016718/HĐTD ngày 29/12/2021, ông T1 đã vi phạm nghĩa vụ là không trả nợ gốc và nợ lãi đúng hạn theo thỏa thuận nên Ngân hàng yêu cầu ông T1 thanh toán số tiền còn nợ tính đến hết ngày 02/02/2024 với tổng số tiền: 109.613.530 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 94.761.789 đồng; Nợ lãi: 12.389.630 đồng; Số tiền lãi phạt cho gốc quá hạn: 2.047.821 đồng; Lãi chậm trả lãi: 414.290 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 03/02/2024 cho đến khi ông Nguyễn Trọng T1 hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất do hai bên thỏa thuận tại 02 hợp đồng nêu trên.

Bên cạnh đó trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Trọng T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa trình bày ý kiến, cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh đã thanh toán nợ cho Ngân hàng. Qua đó cho thấy việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Trọng T1 phải trả số tiền vay còn nợ tính đến hết ngày 02/02/2024 tổng số tiền: 109.613.530 đồng. Trong đó: Nợ

gốc: 94.761.789 đồng; Nợ lãi: 12.389.630 đồng; Số tiền lãi phạt cho gốc quá hạn: 2.047.821 đồng; Lãi chậm trả lãi: 414.290 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 03/02/2024 cho đến khi ông Nguyễn Trọng T1 hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất do hai bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 01/2019/2016718/HĐTD ngày 02/08/2019 và hợp đồng tín dụng số 01/2021/2016718/HĐTD ngày 29/12/2021 là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do đó, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ để chấp nhận.

Về án phí: Ông Nguyễn Trọng T1 phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 179, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 401, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Trọng T1 thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ tổng số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng số 01/2019/2016718/HĐTD ngày 02/08/2019 tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 02/02/2024) là 78.261.673 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 68.000.000 đồng; Nợ lãi: 9.279.673 đồng; Số tiền lãi phạt cho gốc quá hạn: 675.592 đồng; Lãi chậm trả lãi: 306.408 đồng và số tiền lãi và phí phát sinh kể từ ngày 03/02/2024 cho đến khi thanh toán dứt nợ cho Ngân hàng.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Trọng T1 thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ tổng số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng số 01/2021/2016718/HĐTD ngày 29/12/2021 tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 02/02/2024) là 31.351.857 đồng (tính đến ngày 02/02/2024). Trong đó: Nợ gốc: 26.761.789 đồng; Nợ lãi: 3.109.957 đồng; Số tiền lãi phạt cho gốc quá hạn: 1.372.229 đồng; Lãi chậm trả lãi: 107.882 đồng và số tiền lãi và phí phát sinh kể từ ngày 03/02/2024 cho đến khi thanh toán dứt nợ cho Ngân hàng.

Kể từ ngày 03/02/2024 ông Nguyễn Trọng T1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 01/2019/2016718/HĐTD ngày 02/08/2019 và hợp đồng tính dụng 01/2021/2016718/HĐTD ngày 29/12/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Nguyễn Trọng T1 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Trọng T1 phải chịu 5.481.000 đồng.

- Ngân hàng TMCP Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.554.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0018197 ngày 13 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
-VKSND thành phố Trà Vinh ;
- Chi cục THADS thành phố Trà Vinh ;
- Những người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lâm Thị Kiều Trang